

Bản án số: 17/2019/HS-ST
Ngày 27-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Lớn và ông Phạm Văn Hợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Viên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Mùa A Hay, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18a/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

Mùa A S, sinh ngày 30/12/1990; tại: huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản M, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: chưa qua đào tạo; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Mùa A H, sinh năm 1962 và bà Phàng Thị M, sinh năm 1969; có vợ Lù Thị D, sinh năm 1990 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Giàng A T, sinh ngày 06/4/1984; tại: huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản H, xã H, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: chưa qua đào tạo; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Giàng A C, sinh năm 1962 và bà Mùa Thị S, sinh năm 1964; có vợ Phàng Thị V, sinh năm 1982 và 05 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên T, tỉnh Sơn La; Địa chỉ: xã M, huyện P, tỉnh Sơn La.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: ông Phùng Lạc T, Trưởng Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên T; Nơi cư trú: K8, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Cộng đồng bản H, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; Người đại diện hợp pháp là ông Mùa A T, Trưởng bản; Nơi cư trú: bản H, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

Mùa A N, sinh năm 1985; Nơi cư trú: bản H, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

Mùa A S, sinh năm 1994; Nơi cư trú: bản C, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Người phiên dịch:* ông Hạng Chờ L, sinh năm 1977, nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích có gỗ làm nhà, Mùa A S gặp Giàng A T liền dừng xe máy lại và hỏi “Có xẻ gỗ thuê làm nhà bán không?”, thì Thông chỉ tay lên phía khu rừng đặc dụng T và nói là “Có xẻ, có 02 cây gỗ đã bị đổ sẵn ở phía trên, nếu đồng ý lấy thì sẽ xẻ cho” rồi S và T xác định khối lượng gỗ xẻ là 80 thanh, tiền công xẻ là 5.000.000VNĐ và 20 lít xăng, S đã mượn 01 can nhựa của Mùa A N để mua xăng đưa cho T. Theo thỏa thuận, ngày 31/01/2019 T mang theo 01 máy cưa, 01 con dao, 01 chiếc thước và 01 chiếc can đựng 20 lít xăng vào rừng đặc dụng T là rừng tự nhiên thuộc Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt đã được Nhà nước giao cho Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên T, tỉnh Sơn La quản lý và bảo vệ theo giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 154167 ngày 12/10/2009. Tại đây, T dùng cưa máy cắt hạ 01 cây gỗ tươi, xẻ được 56 thanh và cắt xẻ 01 cây gỗ khô đã bị đổ từ trước xẻ được 24 thanh; sau khi xẻ được 80 thanh T một mình vận chuyển số gỗ ra chỗ tập kết và báo cho S, S nhận gỗ và trả tiền công T. Ngày 05/02/2019, S gọi điện thoại và nói dối anh Mùa A S là lái xe Biển kiểm soát: 26C- 082.04 về lịch sử số gỗ (đã làm giấy tờ đầy đủ) và thuê S vận chuyển gỗ về, anh S nhận lời đã điều khiển ô tô đến thì Mùa A S, thuê 05 người dân tộc thái không biết tên, địa chỉ bốc gỗ lên xe rồi anh S chở gỗ và S cùng về, khi đi đến địa phận bản H, xã H thì bị Tổ công tác Công an huyện B kiểm tra lập biên bản vi phạm.

Ngày 24/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bn, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm lâm rừng đặc dụng T, chính quyền xã H thực hiện khám nghiệm hiện trường khai thác gỗ trái phép là rừng đặc dụng T thuộc tiểu khu 383, khoảnh 4, lô 1. Với phương pháp sử dụng máy GPS định vị xác định vị trí tọa độ: N21° 19'30,1", E104°31'01,7" có 01 gốc cây bị bật gốc đã cũ, có nhiều rêu mốc, phần thân cây đã bị cắt ngang, chu vi gốc là 2,4 m, đường kính gốc là 0,77m; tại vị trí tọa độ: N21° 19'38", E104°34'45,2" có 01 gốc cây, thân đã bị cắt hạ, chu vi gốc là 03 m, đường kính rộng nhất là 01 m, hẹp nhất là 60 cm chiều cao từ mặt đất đến mặt cắt là 57,5 cm có khối lượng 0,288 m³, rễ cây chìm sâu trong đất đá (gốc và rễ không có mục đích khai thác); cách vị trí gốc cây 25m có nhiều bào

gỗ, mùn cưa đã lấy mẫu niêm phong, ký hiệu NS2, mã số NS2A 032 197, NS2A 032 198 và ký hiệu: NS4, mã số: NS4A 038704, NS4A 038705. Thu giữ vật chứng với Mùa A S gồm: 80 thanh gỗ xẻ có tổng khối lượng là $4,694\text{m}^3$, quy đổi gỗ xẻ ra gỗ tròn theo hệ số nhân 1,6 là $7,51\text{m}^3$. Thu giữ với Giàng A T gồm: 01 chiếc máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna Special 365, 01 lam máy cưa, 01 dây xích máy cưa; 01 con dao; 01 thước cuộn, loại dài 05 mét; 01 chiếc can nhựa, loại thể tích 20lít. Thu giữ với anh Mùa A S: 01 xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu Hoa Mai, số máy: 0E12F6G00082, số khung: 72DFGCA00092, Biển kiểm soát: 26C-082.xx. Riêng số bìa bấp, cành, ngọn cây gỗ, xe máy, điện thoại các bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi không còn nên đã thông báo truy tìm nhưng không thu giữ được.

Ngày 13/5/2019 Chi cục kiểm lâm tỉnh Sơn La có văn bản số 281/CV-CCKL xác định 80 thanh gỗ xẻ có khối lượng $4,694\text{ m}^3$ gỗ xẻ là gỗ Re đỏ (*Cinamomum tetragonum* A. Chev) thuộc nhóm IV, không thuộc loài nguy cấp, quý hiếm.

Ngày 30/5/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận về giá trị tài sản định giá: 80 thanh gỗ Re đỏ có khối lượng gỗ xẻ $4,694\text{ m}^3$, quy đổi bằng $7,51\text{m}^3$ gỗ tròn có giá trị là 20.652.500 VNĐ; 01 gốc cây Re đỏ còn lại tại hiện trường có khối lượng gỗ tròn $0,288\text{m}^3$ có giá trị: 365.760 VNĐ.

Xác định hành vi vận chuyển gỗ của Mùa A S chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên ngày 27/6/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 30.000.000 VNĐ và trả lại tài sản là xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu Hoa Mai, số máy: 0E12F6G00082, số khung: 72DFGCA00092, Biển kiểm soát: 26C-082.xx cho chủ sở hữu hợp pháp.

Bản cáo trạng số 17/CT-VKS-BY ngày 22/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Mùa A S, và Giàng A T về tội “Vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm e khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B luận tội và tranh luận: đề nghị tuyên bố các bị cáo Mùa A S và Giàng A T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản”. Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt Mùa A S từ 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 60 tháng; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt Giàng A T từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 48 đến 60 tháng; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng điểm a,b khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b,c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 80 thanh gỗ Re đỏ (khối lượng $4,694\text{m}^3$ gỗ xẻ) của Mùa A S. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 máy cưa nhãn hiệu Husqvarna Special 365, 01 lam máy cưa, 01 xích máy cưa dài 215cm của Giàng A T. Truy thu, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000 VNĐ (Năm triệu đồng) của Giàng A T. Tịch thu và tiêu hủy: 01

con dao bằng kim loại dài 37 cm; 01 thước cuộn bằng kim loại; 02 túi bên trong có chứa mẫu vật là dăm bào gỗ và 02 túi bên trong có chứa mẫu vật là mùn cưa gỗ của Giàng A T. Tịch thu và tiêu hủy: 01 chiếc can nhựa màu vàng nhạt, loại thể tích 20L, đã qua sử dụng của anh Mùa A N. Trả lại: 01 gốc cây Re đỏ tại vị trí tọa độ: N21° 19'30,1", E104°31'01,7" và 01 gốc cây Re đỏ tại vị trí tọa độ: N21° 19'38", E104°34'45,2" thuộc tiểu khu 383, khoảnh 4, lô 1 rừng đặc dụng T cho Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên T, tỉnh Sơn La. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn nộp án phí cho các bị cáo.

Bị cáo Mùa A S tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B; xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, xin được cải tạo tại địa phương.

Bị cáo Giàng A T tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B; xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, xin được cải tạo tại địa phương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tranh luận: nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát và không có yêu cầu đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Đương sự: Đại diện Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên T, Đại diện cộng đồng bản H, anh Mùa A N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử thấy lời khai có trong hồ sơ đã rõ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên quyết định xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là thống nhất phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản khám nghiệm hiện trường, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, xác định: Mùa A S gặp và hỏi Giàng A T “Có xẻ gỗ thuê làm nhà bán không”, T chỉ tay lên phía khu rừng đặc dụng T và nói là “Có xẻ, có 02 cây gỗ đã bị đổ sẵn ở phía trên, nếu đồng ý lấy thì sẽ xẻ cho”, S và T thỏa thuận về kích

thước, khối lượng gỗ xẻ 80 thanh và tiền công là 5.000.000VNĐ (T ứng trước 3.000.000VNĐ và 20 lít xăng); theo đó, ngày 31/01/2019 T mang theo 01 máy cưa, 01 con dao, 01 chiếc thước và 01 chiếc can đựng 20 lít xăng vào rừng đặc dụng T là rừng tự nhiên thuộc Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt. Tại đây, T cắt hạ cây gỗ Re đỏ, xẻ lấy 80 thanh rồi vận chuyển đến chỗ tập kết và báo cho S, S đã nhận gỗ và trả tiền hết tiền công cho T. Ngày 05/02/2019, S gọi điện thoại và nói dối anh Mùa A S về lịch sử số gỗ (đã làm giấy tờ đầy đủ), thuê S sử dụng xe ô tô Biển kiểm soát: 26C- 082.xx vận chuyển gỗ về thì bị kiểm tra lập biên bản vi phạm thu giữ 80 thanh gỗ Re đỏ, có khối lượng gỗ xẻ là $4,694\text{m}^3$, quy đổi ra gỗ tròn là $7,51\text{m}^3$; theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện B: $7,51\text{m}^3$ gỗ Re đỏ có giá trị là 20.652.500 VNĐ. Theo tại khoản 1 Điều 9 và điểm a khoản 1 Điều 52 Luật Lâm nghiệp thì hành vi cắt hạ, xẻ cây gỗ Re đỏ tại tiểu khu 383, khoảnh 4, lô 1 rừng đặc dụng T là hành vi bị nghiêm cấm và không khai thác lâm sản trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng.

Như vậy, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép mà tự ý thực hiện hành vi cắt hạ và xẻ trái phép gỗ Re đỏ thuộc nhóm IV, không thuộc loài nguy cấp, quý hiếm, có khối lượng quy gỗ tròn $7,51\text{m}^3$ tại tiểu khu 383, khoảnh 4, lô 1 rừng đặc dụng T là xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản, có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Mùa A S và Giàng A T, phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tội phạm và hình phạt được quy định như sau: “1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: e) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng tự nhiên từ 03 mét khối (m^3) đến dưới 08 mét khối (m^3) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 01 mét khối (m^3) đến dưới 03 mét khối (m^3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA”.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi: các bị cáo đã được tuyên truyền về cấm khai thác trái phép lâm sản, được ký cam kết bảo vệ rừng nhưng ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước và vì lợi ích cá nhân, lợi ích gia đình mà các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi khai thác trái phép gỗ Re đỏ tại rừng đặc dụng T là rừng tự nhiên có khối lượng gỗ tròn là $7,51\text{m}^3$. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự phân công, không có sự cấu kết chặt chẽ nên chưa được coi là có tổ chức, theo quy định tại các Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì các bị cáo là đồng phạm giản đơn, trong đó Mùa A S giữ vai trò chính (đưa tiền, xăng để T xẻ gỗ theo yêu cầu, thuê người bốc vác, vận chuyển), còn Giàng A T là người thực hành tích cực: trực tiếp mang công cụ, cắt hạ và xẻ trái phép gỗ. Hành vi khai thác trái phép lâm sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về khai thác bảo vệ rừng; tội phạm các bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng nhưng đã hoàn thành, hậu quả xảy ra đã xâm hại đến tài nguyên rừng, xâm hại đến hệ sinh thái, ảnh hưởng đến sự bền vững, ổn định

của môi trường, ảnh hưởng trật tự trị an của địa phương; việc khai thác trái phép không đúng quy trình của các bị cáo dẫn đến phần cắt giữa thân và gốc cây còn lại có khối lượng 0,288 m³, cành, bấp không thu gom gây lãng phí nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết các bị cáo phạm tội, đề nghị hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cũng như ý kiến tranh luận, bào chữa của những người tham gia tố tụng.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (luôn thể hiện sự cắn rứt, dằn vò lương tâm mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo là người dân lao động, dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế, sống ở vùng sâu, xa, vùng ba, bị cáo Mùa A S là con của gia đình có công (ông Lù A S là bố vợ của bị cáo S đã được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3) nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Nhân thân: các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được chính quyền địa phương xác nhận, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, tuổi đời còn trẻ, cần thiết giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội, nên áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho các bị cáo tự cải tạo tại địa phương nhưng ấn định thời gian thử thách cũng nhằm răn đe, phòng ngừa giáo dục chung.

[7] Theo quy định tại khoản 4 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 2015 các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, các bị cáo không có tài sản giá trị, gia đình thuộc hộ nghèo, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không có dấu hiệu trốn tránh hoặc phạm tội nên cho các bị cáo được tại ngoại.

[9] Đối với Mùa A N là người cho bị cáo mượn can đựng xăng nhưng không biết vụ việc; Mùa A S dùng xe ô tô vận chuyển thuê gỗ cho bị cáo, đã bị cơ quan chức năng phạt hành chính; riêng 05 người dân tộc Thái nhận bốc vác thuê gỗ lên xe ô tô, cơ quan chức năng đã xác minh nhưng không xác định được nên không có căn cứ xử lý về hình sự theo vụ án.

[10] Vật chứng của vụ án:

80 thanh gỗ Re đỏ ($4,694\text{m}^3$ gỗ xẻ) là do bị cáo khai thác trái phép nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 máy cưa nhãn hiệu Husqvarna Special 365, 01 lam máy cưa, 01 xích máy cưa là tài sản của bị cáo Thông đã sử dụng làm công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với số tiền 5.000.000VNĐ bị cáo S trả tiền công cho bị cáo T (T đã chi tiêu cá nhân hết) là tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu, tịch thu nộp ngân sách nhà nước, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 con dao bằng kim loại; 01 thước cuộn bằng kim loại là vật dụng của bị cáo T đã sử dụng làm công cụ phạm tội; 01 chiếc can nhựa, loại thể tích 20 lít là vật dụng của anh Mùa A N (anh N không nhận lại); 01 túi bên trong có chứa mẫu vật: dăm bào gỗ, ký hiệu: NS4, Mã số: NS4A 038704; 01 túi bên trong có chứa mẫu vật: mùn cưa gỗ, ký hiệu: NS4, Mã số: NS4A 038705; 01 túi bên trong có chứa mẫu vật: dăm bào gỗ, ký hiệu: NS2, Mã số: NS2A 032197; 01 túi bên trong có chứa mẫu vật: mùn cưa gỗ, ký hiệu: NS2, Mã số: NS2A 032198 là vật chứng không có giá trị cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 gốc cây Re đỏ (gốc có nhiều rễ mọc) tại vị trí tọa độ: $N21^{\circ}19'30,1''$, $E104^{\circ}31'01,7''$ và 01 gốc cây Re đỏ tại vị trí tọa độ: $N21^{\circ}19'38''$, $E104^{\circ}34'45,2''$ đường kính rộng nhất là 01 m, hẹp nhất là 60 cm chiều cao từ mặt đất đến mặt cắt là 57,5 cm có khối lượng $0,288\text{m}^3$, thuộc tiểu khu 383, khoảnh 4, lô 1 rừng đặc dụng Tà Xùa là tài sản do Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên T quản lý và bảo vệ nên trả lại, căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu Hoa Mai, số máy: 0E12F6G00082, số khung: 72DFGCA00092, Biển kiểm soát: 26C-082.xx, Cơ quan chức năng đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ, thẩm quyền.

Đối với bìa bóp, cành cây, xe máy và điện thoại của các bị cáo, Cơ quan CSĐT đã truy tìm nhưng không thu giữ được nên không có cơ sở xử lý theo vụ án.

[11] Về án phí: các bị cáo là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, các bị cáo xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65; điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Mùa A S;

Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65; điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Giàng A T.

1. Tuyên bố: các bị cáo Mùa A S và Giàng A T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

2. Xử phạt:

- Bị cáo Mùa A S 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 60 (Sáu mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 27/9/2019; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Bị cáo Giàng A T 27 (Hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 54 (Năm mươi bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 27/9/2019; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo Mùa A S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Sơn La; Giao bị cáo Giàng A T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng:

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 80 thanh gỗ Re đỏ (khối lượng 4,694m³ gỗ xẻ) của Mùa A S.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 máy cưa nhãn hiệu Husqvarna Special 365, 01 lam máy cưa, 01 xích máy cưa dài 215cm của Giàng A T.

Truy thu, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000VNĐ (Năm triệu đồng) của Giàng A T.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 con dao bằng kim loại dài 37 cm; 01 thước cuộn bằng kim loại; 02 túi bên trong có chứa mẫu vật là dăm bào gỗ và 02 túi bên trong có chứa mẫu vật là mùn cưa gỗ của Giàng A T.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 chiếc can nhựa màu vàng nhạt, loại thể tích 20L, đã qua sử dụng của anh Mùa A N.

Trả lại: 01 gốc cây Re đỏ tại vị trí tọa độ: N21° 19'30,1", E104°31'01,7" và 01 gốc cây Re đỏ tại vị trí tọa độ: N21° 19'38", E104°34'45,2" thuộc tiểu khu 383, khoảnh 4, lô 1 rừng đặc dụng T cho Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên T, tỉnh Sơn La.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/8/2019 và ngày 06/9/2019 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La).

4. Về án phí: miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Mùa A S và Giàng A T.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/9/2019); riêng nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B (CSĐT, THAHS);
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà